TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80**/2021/HS-ST
Ngày: 14-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc và ông Vũ Huy Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuê - Kiểm sát viên.

Ngày 14/12/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2021/TLST-HS ngày 22/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-HS ngày 02/10/2021, đối với bị cáo:

Trần Đình T, sinh năm 1963 tại Hải Dương; nơi ĐKTT: Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình P và bà Nguyễn Thị L; có vợ và có 02 con (con lớn sinh năm 1984, con bé sinh năm 1987); tiền sự: Không; tiền án (có 04 tiền án): Tại Bản án số 32/2010/HSST ngày 29/12/2010, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản trộm cắp là 03 triệu), chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/5/2011; tại Bản án số 06/2012/HSST ngày 01/02/2012, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản trộm cắp là 6.175.000 đồng), chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/4/2013; tại Bản án số 17/2014/HSST ngày 26/02/2014, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản trộm cắp là 20 triệu đồng), chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2017; tại Bản án số 105/2017/HSST ngày 20/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản trộm cắp là 30 triệu đồng), chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/6/2021; bị bắt tạm giam từ ngày 02/9/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1963 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

1. NLC1;

2. NLC2.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ ngày 29/8/2021, Trần Đình T mượn xe mô tô Sirius màu đỏ - đen BKS 34B-482.04 của NLC1, sinh năm 1972, trú tại thôn T, xã B, huyện T để đi chơi. T điều khiển xe từ nhà NLC1 sang huyện Gia Lộc, qua cầu Gỗ sang cầu Đáy đến huyện Thanh Miện. Khoảng 09 giờ cùng ngày, T đi đến thôn P, xã N, huyện T nhìn thấy tại nghĩa trang nhân dân thôn Phạm Tân có 01 đàn gồm 06 con bò và 02 con bê (của gia đình ông Trần Văn M) buộc gần nghĩa trang, không có người trông coi. T nảy sinh ý định trộm cắp 01 con bê nên đã đi tìm mua bao dứa. Sau đó T xin được của một phụ nữ đi mua phế liệu 01 chiếc bao dứa màu xanh, kích thước khoảng 0,8m x 0,5m, T để bao dứa ở giá hàng giữa xe rồi đi về khu nghĩa trang thôn P. Khi đi hết đường bê tông ở khu nghĩa trang, T quay xe lại, đầu xe hướng ra ngoài đường, dựng chân chống phụ của xe rồi đi bộ sâu vào trong khu nghĩa trang. Đến khu vực phần mộ của họ Lê, T thấy có 01 con bê màu lông vàng, khoảng hơn 30 kg đang ở trên khu vực sân bê tông của khu mộ, T nhặt một viên gạch chỉ đỏ, kích thước 20cm x 10cm x 5cm ở gần đó, đứng đối diện con bê, tay phải cầm gạch đập 03 nhát vào sau gáy con bê, làm con bê giãy giụa rồi chết tại đó. T vứt gạch lại nền khu mộ, cầm 02 chân sau của con bê kéo giật lùi qua các khu mộ để ra vị trí dựng xe máy. T cho con bê vào bao dứa, đặt lên giá hàng giữa xe rồi điều khiển về nhà NLC1. T nói với NLC1 là mua được con bê. Sau đó, T tự mổ thịt bê rồi mang thịt bê ra khu vực gần Bến xe khách H bán cho người đi đường được khoảng 2 triệu đồng. Đến 9 giờ 30 phút cùng ngày, ông M phát hiện bị mất con bê nên đã trình báo Cơ quan điều tra. Qua rà soát camera giao thông và tra cứu biển số xe mô tô, xác minh tại Ủy ban nhân dân thôn T, xã B, huyện T, Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Miện đã triệu tập T để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HDĐG ngày 31/8/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Miện kết luận: 01 con bê 39 ngày tuổi lông màu vàng, trọng lượng khoảng 35kg, tại thời điểm định giá ngày 29/8/2021 có giá là 3.250.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 71/CT-VKS ngày 22/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương truy tố Trần Đình T ra trước Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện để xét xử về tội Trộm cắp tài sản, theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đình T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện là đúng và xin

giảm nhẹ hình phạt. Bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại là giá trị con bê mà bị cáo đã chiếm đoạt với số tiền như Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Miện đã xác định là 3.250.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội Trộm cắp tài sản; về hình phạt chính: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đình T từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 02/9/2021; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao loại dao bầu dài khoảng 27cm, 01 con dao loại dao bầu dài khoảng 30cm, 01 mũ bảo hiểm loại mũ cả đầu màu ghi, 01 áo sơ mi dài tay màu xám, 01 đôi giầy vải của bị cáo và 01 viên gạch chỉ kích thước 20cm x 10cm x 5cm quản lý tại nghĩa trang nhân dân thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Trả số tiền 2.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo cho bị hại. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc Trần Đình T bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 1.250.000 đồng; về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật TTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Miện, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà và trong quá trình điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 29/8/2021, Trần Đình T đã lén lút chiếm đoạt 01 con bê đực 39 ngày tuổi, trị giá 3.250.000 đồng của gia đình ông Trần Văn M, sinh năm 1963, ở thôn P, xã N, huyện T đang thả tại khu vực nghĩa

trang nhân dân thôn P, xã N, huyện T. Hành vi của Trần Đình T đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác đối với tài sản, được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác là trái pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tăng nặng "tái phạm nguy hiểm", quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Trước hành vi trộm cắp tài sản ngày 29/8/2021, bị cáo đã 04 lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Như vậy, bị cáo cố ý phạm tội 05 lần về tội Trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, xác định trước và sau khi phạm tội, bị cáo làm ruộng và có làm thêm nghề mổ trâu bò tự do cho các gia đình hoặc nhà hàng có nhu cầu. Bị cáo có thu nhập từ nghề tự do, không có căn cứ chứng minh bị cáo lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính (trong 05 lần trộm cắp tài sản có 04 lần bị cáo chưa tiêu thụ được tài sản, 01 lần tiệu thụ được tài sản chiếm đoạt nhưng đã giao nộp khi bị phát hiện), nên không có căn cứ để áp dụng tình tiết định khung "có tính chất chuyên nghiệp", theo điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bị cáo bị truy tố theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nhưng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là định lượng theo khoản 1, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tương ứng quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện mình, mà lại phạm tội khi có cơ hội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng với bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng, để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phục vụ công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện quản lý chiếc xe mô tô tô Sirius màu đỏ - đen BKS 34B-482.04, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của NLC1, sinh năm 1972, trú tại thôn T, xã B, huyện T; NLC1 cho mượn nhưng không biết bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại cho NLC1 là đúng quy định của pháp luật. 01 con dao loại dao bầu dài khoảng 27cm, 01 con dao loại dao bầu dài khoảng 30cm, 01 mũ bảo hiểm loại mũ cả đầu màu ghi, 01 áo sơ mi dài tay màu xám, 01 đôi giầy vải của bị cáo; 01 viên gạch chỉ kích thước 20cm x 10cm x 5cm quản lý tại nghĩa trang nhân dân thôn Phạm Tân, xã Ngô Quyền là vật chứng của vụ án, không còn giá trị cần tịch thu và tiêu hủy. Số tiền 2.000.000 đồng quản lý của bị cáo là tiền do bị cáo tiêu thụ tài sản chiếm đoạt của bị hại mà có, cần trả cho bị hại. Quá trình điều tra, không chứng minh được NLC1 giúp sức bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do bị cáo chiếm đoạt, nên không có căn cứ xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại về số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 3.250.000 đồng. Tịch thu số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã giao nộp để trả cho bị hại và buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 1.250.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải phải bồi thường thiệt hại cho bị hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đình T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Đình T 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 02/9/2021.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao loại dao bầu dài khoảng 27cm, 01 con dao loại dao bầu dài khoảng 30cm, 01 mũ bảo hiểm loại mũ cả đầu màu ghi, 01 áo sơ mi dài tay màu xám, 01 đôi giầy vải của bị cáo và 01 viên gạch chỉ kích thước 20cm x 10cm x 5cm quản lý tại nghĩa trang nhân dân thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Trả số tiền 2.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo cho bị hại là ông Trần Văn M và bà Vũ Thị N (vật chứng có đặc điểm ghi tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/10/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc Trần Đình T bồi thường cho bị hại số tiền 1.250.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Trần Đình T chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Đình T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQ CSĐT Công an huyện Thanh Miện;
- CQ THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đức Chính